

Cách sử dụng danh từ đơn vị tiếng Việt – dưới góc độ dạy tiếng

- Lê Thị Minh Hằng

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Danh từ đơn vị tiếng Việt (thường được biết dưới cái tên “danh từ đếm được” hoặc “loại từ”) đã được nhiều nhà ngôn ngữ học nghiên cứu. Tuy nhiên, người nước ngoài học tiếng Việt gặp khó khăn lớn khi tiếp xúc với vấn đề ngữ pháp này. Trong bài viết, tác giả đã cố gắng

công thức hóa các cách sử dụng danh từ đơn vị tiếng Việt để tạo thuận lợi cho học viên nước ngoài khi học tiếng Việt. Bên cạnh đó, tác giả cũng tập trung diễn giải những trường hợp mà danh từ đơn vị được sử dụng tùy ý (có thể có hoặc không).

Từ khóa: *loại từ, danh từ đơn vị, danh từ khối*

1. Dẫn nhập

Trong mười năm gần đây, cùng với quá trình dạy tiếng Việt với tư cách là một ngôn ngữ thứ hai, có rất nhiều vấn đề lộ ra, cho thấy ngữ pháp tiếng Việt chưa thật sự được lập thức một cách đầy đủ và hệ thống. Loại từ là một trong những vấn đề như thế. Có thể nói, đối với người nước ngoài, đây là một thách thức lớn đeo đẳng họ từ những giờ đầu tiên theo học đến khi họ được xem là thành thạo tiếng Việt.

Thật ra, danh từ đơn vị là một trong những khái niệm ngữ pháp được rất nhiều nhà nghiên cứu tập trung khảo sát (Nguyễn Tài Cẩn, Lý Toàn Thắng, Hồ Lê, Trần Đại Nghĩa, Vũ Đức Nghiệu, Cao Xuân Hạo, v.v.) với tên gọi “từ chỉ loại”, “danh từ chỉ loại”, “danh từ đơn thể”, (và phổ biến nhất là “loại từ”; và diện mạo của nó ngày càng trở nên rõ ràng hơn.

Đặc biệt, với hàng loạt công trình trong những năm 1990, Cao Xuân Hạo đã đứng hẳn trên bình diện ngữ pháp để xử lý danh từ đơn vị trong khuôn khổ của một cấu trúc danh ngữ, dù rằng quan niệm của ông có nhiều điểm vẫn còn đang tranh cãi [5] [7].

Theo Cao Xuân Hạo, danh từ đơn vị là loại danh từ chỉ những hình thức tồn tại của các thực thể phân lập trong không gian, thời gian hay trong một chiều nào khác được hình dung giống với không gian, có thể được tri giác tách ra khỏi bối cảnh và khỏi các thực thể khác, kể cả các thực thể cùng tên; chẳng hạn: *bên, bố, cái, con, dây, kí, khẩu, phía, thước, viên, râu, yến, v.v..*

Theo danh sách mà Cao Xuân Hạo đưa ra thì danh từ đơn vị có thể bao gồm các danh từ đếm được như *cái, chiếc, tấm, con, trái, bức, cục, viên, thanh,...* hoặc nhóm danh từ chỉ những đơn vị tính toán gồm *lít, thước, ký, tấn, thùng, ly, muống, bao,...* hoặc nhóm danh từ chỉ những sự vật đếm được là những đơn vị hành chính như *tỉnh, huyện, xã, phường, v.v..*

Cao Xuân Hạo đã lập thức một cách hết sức cụ thể rằng trong cấu trúc danh ngữ có danh từ đơn vị làm trung tâm có thể có các định ngữ sau [4: 90-91]:

Định ngữ chỉ lượng: đứng trước là các lượng ngữ (các lượng từ xác định – *một, hai, ba, bốn, năm,...* – và các lượng từ không xác định: *những, các, mọi, mỗi, từng, tất cả,...*); đứng sau là các

lượng từ *một, hai, ba, tư, rưỡi, sáu, bảy, tám, chín*; chẳng hạn: *năm quyển sách, những ngôi nhà này, hai kí rưỡi thịt, một chục cam*;

Định ngữ chỉ loại: do danh từ khối đảm nhiệm; chẳng hạn: hai kí rưỡi *thịt*, một chục *cam*;

Định ngữ hạn định: do ngữ danh từ, ngữ vị từ, tiểu cú (cụm chủ vị), đại từ chỉ định (*này, ấy, kia, nọ, đó*), số từ, các từ diễn đạt nghĩa “duy nhất” (*đầu tiên, thứ nhất, cuối cùng, thứ bảy, đẹp nhất*, v.v.) đảm nhiệm; chẳng hạn: quyển sách *anh tặng tôi*, quyển sách *bìa màu đỏ ấy*, bài thơ *cuối cùng vừa viết xong ấy*;

Định ngữ miêu tả: nhằm bổ sung một ý, nhưng không nhằm hạn định cho trung tâm; chẳng hạn: bắt được một con cá mè *to tướng*.

Trong khi đó, danh từ khối chỉ có thể có một định ngữ phía sau là định ngữ chỉ loại; chẳng hạn: *thịt bò, cá biển, khoai tây*.

Danh từ đơn vị, nói chung, không có khả năng tự lập thành ngữ danh từ (trừ một vài điều kiện nhất định), cho nên nhận diện được các định ngữ cũng có nghĩa là nhận diện được các quan hệ ngữ pháp trong một ngữ đoạn danh từ. Điều đó, đối với người nước ngoài (học tiếng Việt) lại càng đặc biệt có ý nghĩa. Theo quan sát của chúng tôi, trong quá trình sản sinh ngôn ngữ (tự mình tạo ra phát ngôn), học viên nước ngoài thường xuất phát trước hết từ danh từ khối (và kể đó, từ các định ngữ theo sau) để xây dựng ngữ đoạn danh từ vì trong đầu họ cái đối tượng tri nhận được gọi tên bằng một danh từ khối (vì họ dịch từ tiếng mẹ đẻ ra) chứ không phải bằng một danh từ đơn vị. Chẳng hạn, khi nhìn thấy một quyển sách mới màu xanh, trong đầu họ sẽ xuất hiện tên gọi “sách” (chứ không phải là “cuốn”, càng không phải là “cuốn sách”) và sau đó, họ sẽ “gán” các thuộc tính cho “sách” (“mới”, “màu xanh” hoặc “xanh”, “này”); từ đó hình thành ngữ đoạn. Có thể nói, cái mà học viên nước ngoài cần chính là những “chỉ thị” nhằm trả lời câu hỏi “Khi nào thì cần danh từ đơn vị và khi nào thì không?”. Những “chỉ thị”

đó càng đơn giản, mang tính thao tác, càng giúp họ dễ sản sinh phát ngôn.

Xuất phát từ điều vừa nói, trong khuôn khổ bài này, chúng tôi sẽ xây dựng các “công thức” nhằm chỉ ra cho người học thấy, với những gì họ muốn nói, khi nào thì cần hoặc không cần một danh từ đơn vị. Hay nói rõ hơn, chúng tôi sẽ làm một chỉ dẫn “ngược”: chẳng hạn, chúng tôi không giải thích danh từ đơn vị “cuốn” cần và có thể có những định ngữ nào theo sau nó mà chúng tôi chỉ ra, khi nào cần một danh từ đơn vị xuất phát từ những yếu tố (được gọi là định ngữ, mà trước hết là danh từ khối) họ đã có trong đầu. Về lý thuyết ngữ đoạn, chúng tôi dựa chủ yếu vào quan điểm của Cao Xuân Hạo trong [2] [3] [4].

2. Cách thức sử dụng danh từ đơn vị

2.1. Trường hợp danh từ đơn vị buộc phải có mặt trước danh từ khối

2.1.1. Danh từ đơn vị buộc phải xuất hiện trong một danh ngữ có danh từ khối đi kèm với lượng từ.

Lượng từ trong tiếng Việt có 2 loại: số từ và lượng từ không xác định.

2.1.1.1. Đối với số từ thì theo công thức: [số từ + Dtdv + Dtk], ví dụ: *bảy trái cam; hai cuốn sách; một đĩa cơm, ba cây bút*.

Sẽ sai ngữ pháp nếu danh từ đơn vị không được đặt giữa số từ và danh từ khối (chẳng hạn: *hai quạt máy, ba xe máy, năm sách, ba gà*). Danh từ đơn vị có thể vắng mặt (do tính lược) trong những trường hợp sau:

- Khi liệt kê một danh sách nhiều đối tượng đồng chất:

(1) Trong kho hiện còn ba quạt máy, năm tủ lạnh, bốn máy giặt.

(2) Phòng nào cũng chỉ có một giường, một tủ.

- Khi nói về những đối tượng mà khái niệm đơn vị của nó là hiển nhiên, nội dung truyền đạt chủ yếu nằm ở sự phân biệt các “loại”, các “thứ” khác nhau. Do vậy, hiện tượng tính lược này thường thấy trong bối cảnh mua bán, trao đổi. Nói chung, ngoài khẩu ngữ, cách dùng này khó có thể xem là chuẩn mực.

(3) Chị ấy có hai gái/con/em trai. (thay vì Chị ấy có hai đứa con (gái)/em trai)

(4) Ba đã đi! (thay vì Ba ly cà phê đá)

(5) Một bánh mì thịt! (thay vì Một ổ bánh mì thịt)

2.1.1.2. Đối với lượng từ không xác định, kể cả số đơn (*một, mỗi, từng*) và số phức (*các, những, mấy, vài, dăm, mười*), có thể theo công thức: [lượng từ không xác định + Dđv + Dtk]. Ví dụ: *một người đàn ông, mỗi đĩa cơm, từng miếng thịt, những món quà, các bức tranh, vài giọt nước, mười cuốn sách.*

Có ba lượng từ biểu thị ý nghĩa “toàn bộ” cũng đòi hỏi phải có danh từ đơn vị là *cả* và *nguyên*, *toàn bộ*, vì ý nghĩa “toàn bộ” của nó hàm ý rằng đối tượng được nói đến là một thực thể hoặc một khối duy nhất (trên thực tế, trong cái khối duy nhất ấy có thể bao gồm nhiều bộ phận, nhiều phần), phân lập với những đối tượng khác (khác với *tất cả* – từ này cho biết sau nó là nhiều thực thể riêng biệt).

(6) Hai anh em nó ăn *nguyên* con gà.

(7) Chiếc xe hơi phá nát *cả* bức tường.

(8) Họ dán quảng cáo trên *toàn bộ* bức tường.

Công thức này cũng được ứng dụng khi định ngữ là danh từ khối được thay bằng một vị từ, chẳng hạn: các buổi *học*, mỗi bữa *ăn*, vài món *ăn*, một bài *hát*, cả băng *cướp*, nguyên ngày *ngủ*.

Khác với trường hợp số từ, khi có lượng từ bất định khả năng tính lược danh từ đơn vị hầu như không có, kể cả trong khẩu ngữ (không thể nói: “Tôi có gặp một đàn ông”, “Mỗi sách giá ba chục ngàn”, “Tôi nhận được những quà rất đẹp”).

Lý do là sự có mặt/vắng mặt danh từ đơn vị hoặc là sai ngữ pháp hoặc sẽ làm thay đổi ý nghĩa của danh từ khối theo sau. So sánh:

(9) Mỗi *căn* nhà trị giá một tỉ đồng. // *Mỗi nhà trị giá một tỉ đồng.

(10) Chúng tôi đến thăm từng nhà. // ??Chúng tôi đến thăm từng *ngôi* nhà.

(11) Họ đưa thư mời đến từng nhà. // *Họ đưa thư mời đến từng *ngôi* nhà.

(12) Mỗi nhà phải có một người đi họp. // *Mỗi *căn* nhà phải có một người đi họp.

(13) Mỗi bàn bốn người. // ??Mỗi *cái* bàn bốn người.

Câu (9) nói về giá tiền của cái thực thể vật chất (là “căn nhà”) nên phải có danh từ đơn vị; câu (10) – (12) nói đến một tập hợp gồm các thành viên có quan hệ huyết thống với nhau (= gia đình) nên không thể có danh từ đơn vị; câu (13) nói đến cái không gian trong đó có bốn người tồn tại nên không thể dùng danh từ đơn vị.

Cũng có một lệ ngoại dành cho danh từ Hán Việt – vốn là những danh từ khối chỉ chất liệu nhưng có thể được dùng như danh từ đơn vị. Danh từ Hán Việt có thể kết hợp trực tiếp với cả số từ lẫn lượng từ bất định mà không cần đến danh từ đơn vị. Ta có thể nói *bốn bác sĩ, ba quân nhân, các sinh viên, vài cán bộ, một tiểu thuyết, mỗi phương tiện*. Nhưng điều đó không có nghĩa là sự có mặt hay vắng mặt danh từ đơn vị không có ý nghĩa: trong một phát ngôn mà danh ngữ biểu thị những thực thể chưa xác định hoặc chưa hiện thực thì không thể xuất hiện danh từ đơn vị. So sánh các câu sau đây:

(14) a. Ở đây đang cần hai/một số bác sĩ. (ss: *Ở đây đang cần hai/một số *người* bác sĩ.)

b. Chúng tôi may mắn được gặp hai (*người/ông*) bác sĩ có lương tâm.

(15) a. Sắp tới công ty sẽ tuyển dụng khoảng 60 công nhân may. (ss: *Sắp tới công ty sẽ tuyển dụng khoảng 60 *cô* công nhân may.)

b. Cả 60 (*cô*) công nhân may phân xưởng I đều chưa chồng.

Liên quan đến phạm trù số cần chú ý rằng danh từ khối thì không bao hàm số; trong khi đó, danh từ đơn vị bao giờ cũng phải được đánh dấu về số, sự vắng mặt lượng từ được hiểu là *một*.

(16) Nó mới mua bút chì. (không xác định được lượng)

(17) Nó mới mua *cây* bút chì. (hiểu là một cây)

2.1.2. Danh từ đơn vị buộc phải xuất hiện trong một danh ngữ (có chứa danh từ khối) để biểu thị một/những thực thể đã được xác định.

Những dấu hiệu thể hiện tính xác định của danh ngữ có thể được nhận diện qua:

2.1.2.1. Sự có mặt của các từ chỉ định như *này, kia, ấy, đó*. Có thể đưa ra công thức sau: [Dtđv + Dtk + này/kia/ấy/đó], ví dụ: *con chó đó, bức tranh ấy, đứa em này*.

Xét về mặt chức năng, từ chỉ định trong trường hợp này là định ngữ của danh từ đơn vị chứ không phải là định ngữ của danh từ khối chỉ chất liệu [3: 277]. Hệ quả là (i) danh từ khối có thể vắng mặt nếu cả người nói và người nghe đều đã biết (*cái này, bức đó, cây kia*); (ii) những danh ngữ có từ chỉ định theo sau danh từ khối mà không có mặt danh từ đơn vị thì, về nguyên tắc, sẽ được hiểu là biểu thị chủng loại – có nghĩa là trong hầu hết trường hợp đều có thể giải thích là tính lược danh từ đơn vị *loại* hoặc *thứ* (có thể là một số từ khác: *hạng, kiểu, cỡ, hiệu...*); nếu không, danh ngữ đó được xem là không hợp ngữ pháp.

(18) Gà này thịt mềm lắm. → *Loại* gà này...

(19) Áo đó hết rồi. → *Loại/Kiểu* áo đó...

(20) Tôi nghĩ máy này tiết kiệm điện hơn. → ... *loại/thứ/kiểu* máy này...

(21) *Cô ấy tặng tôi quà này. → ... **loại* quà này.

Trong các ví dụ trên, câu (21) không được chấp nhận vì không có danh từ đơn vị, nhưng không phải là kết quả của sự tính lược vì không có khả năng hiểu “quà” như một thứ chủng loại.

Đối với những danh từ khối biểu thị vật chứa thì sự có mặt danh từ đơn vị có thể tạo thành một danh ngữ biểu thị bản thân cái thực thể với đầy đủ thuộc tính vật lý của vật chứa ấy; trong khi đó, nếu vắng mặt danh từ đơn vị thì vật chứa sẽ được hiểu là vật được chứa (hoặc hiểu rộng hơn: nội dung chứa đựng bên trong nó). So sánh các câu sau đây:

(22) a. Cái chén này của ai?

b. Chén này của ai?

(23) a. Cái túi này của chị Lan.

b. Túi này của chị Lan.

(24) a. Chị Lan mua cái túi này.

b. Chị Lan mua túi này.

Trong nhiều tình huống, các câu (a) và (b) trên đây có thể thay thế cho nhau; nhưng thường các câu (a) được hiểu là bản thân “cái chén”, “cái túi”; trong khi các câu (b) thường được hiểu là những gì có trong “chén” hoặc “túi” đó (chẳng hạn “chén cơm”, “chén canh”, “túi sách”, “túi quần áo”).

Nhưng trường hợp sau đây có điểm cần suy nghĩ:

(25) Nhà này có ba người. (ss. *Căn nhà này có ba người.)

(26) Có ba người sống trong nhà này. (ss: Có ba người sống trong căn nhà này.)

“Nhà” trong câu (25) nói về một nhóm người có quan hệ nhất định (= gia đình), do đó không thể thêm danh từ đơn vị. (Tương tự, chúng ta nói “Trường không cho phép nghỉ học” chứ không thể nói “Ngôi trường không cho phép...”). Trong khi ở câu (26), “nhà” lại là một không gian, một vật chứa. Vấn đề nằm ở chỗ ở (26) vẫn có thể nói “căn nhà này”, một hiện tượng có vẻ không tương hợp với điều vừa nói ở các ví dụ (22) – (24). Theo quan sát của chúng tôi, hiện tượng này không phải là cá biệt đối với những danh từ biểu thị những sự vật hay không gian bao chứa, như *xe, nhà, phòng, chùa, đình, trường*, v.v.. (Có thể nói: “Có ba người ngồi trong (chiếc) xe đó/(căn) phòng đó/(ngôi) đình đó”.)

Thậm chí, trong khẩu ngữ, có cách dùng nhập nhằng giữa có và không có danh từ đơn vị khi chỉ bản thân vật thể theo kiểu “Ngôi chùa/Chùa này xây cách đây 100 năm”, “Căn nhà/Nhà này hơi mắc”, “Chiếc xe/Xe của tôi chạy bằng điện”, v.v.. Tuy nhiên, để dễ dàng cho người học, chúng tôi cho rằng, khi chỉ bản thân một vật thể cụ thể nào đó với các thuộc tính vật lý của nó, sự có mặt của danh từ đơn vị nên xem là chuẩn mực.

Đối với danh từ chỉ người có một vài điều cần lưu ý:

- Trong tiếng Việt, *em/con* trong “đứa em/con đó” và “em/con đó” không cùng nghĩa với nhau. Trường hợp có danh từ đơn vị (*đứa, thằng*), *em/con* là danh từ chỉ người trong quan hệ gia đình. Trường hợp không có danh từ đơn vị, *em* chỉ người nhỏ tuổi hơn mình, *con* chỉ một bé gái với hàm ý thân mật/coi thường hoặc chỉ một động vật. Suy rộng ra, “người/ông/thằng anh”, “người/bà/con/cô chị” bao giờ cũng chỉ một thành viên trong quan hệ gia đình/thân thuộc với ai đó (trong “Thằng anh chăm lắm”, chỉ có thể hiểu là “thằng anh” của ai đó đang được nói đến); trừ trường hợp “ông anh”, “bà chị” có thể được dùng như đại từ nhân xưng ngôi thứ hai (cách gọi thân mật của “anh”, “chị” – “you”).

- Hồ Lê cho rằng khi cần tính đếm số lượng “người có cương vị nào đó trong gia đình, dòng họ” thì không bắt buộc phải dùng danh từ đơn vị [5: 15]. Theo quan sát của chúng tôi, đây có thể xem là một cách nói tắt, tinh lược, chứ không phải là cách dùng được xem là thỏa đáng về mặt ngữ pháp, và không nên xem là chuẩn mực trong ngữ pháp thực hành (dạy tiếng). Lý do là nó chỉ “ổn” với một vài trường hợp “nghe quen” (“mấy anh tôi”, “mấy ông anh tôi”, ví dụ của Hồ Lê), còn những trường hợp khác thì không; chẳng hạn, không thể nói “Tôi nhớ những *chị* của tôi”, “Tôi nghe nói nó còn một hai *anh* sống ở ngoài quê”, “Nó có một vài *chú* làm to lắm trên tỉnh”. Hơn nữa, trong ngữ cảnh mà đối tượng đề cập đã xác định thì sự có mặt của danh từ đơn vị lại càng cần thiết.

- Riêng những danh từ chỉ người trong quan hệ thân tộc, có thể kết hợp với *ấy* tạo thành những đại từ nhân xưng như *anh ấy, cô ấy, bà ấy*. Trong trường hợp này, danh từ đơn vị không thể xuất hiện: không thể nói “ông anh *ấy*”, “người *cô ấy*”, “người *bà ấy*”.... Nếu có mặt danh từ đơn vị, lập tức ngữ đoạn sau đó mất tư cách đại từ nhân xưng: “anh”, “cô”, “bà” lại trở về tư cách danh từ quan hệ và

“*ấy*” là từ trực chỉ (“ông anh *ấy*” phân biệt “ông anh này”, “ông anh kia”)¹

2.1.2.2. Sự xuất hiện của một ngữ vị từ hay một tiểu cú (cụm chủ -vị) làm định ngữ sau danh từ khối. Có thể đưa ra công thức: [Dtdv + Dtk + định ngữ: ngữ vị từ/tiểu cú].

Định ngữ đang nói đến có hai loại: một là định ngữ hạn định (giúp phân biệt đối tượng đang nói với những thực thể cùng loại trong không gian, thời gian) và định ngữ trang trí (cung cấp thêm thông tin về đối tượng nhưng không giúp phân biệt với những cái đồng loại). Cần chú ý rằng, về ngữ pháp, những định ngữ đang bàn xuất hiện sau danh từ khối, nhưng không “bỏ nghĩa” cho danh từ này mà “bỏ nghĩa” cho danh từ đơn vị đứng trước đó².

Định ngữ hạn định có thể là các ngữ vị từ, tiểu cú; chẳng hạn:

(27) Tôi rất thích cái áo mà *anh đã mặc hôm sinh nhật*.

(28) Bài hát *ca sĩ Ánh Tuyết đang hát trên ti vi* là của Văn Cao.

(29) Chị mang biếu mẹ cái bánh *vừa làm xong*.

Cần chú ý là những ngữ vị từ/tiểu cú này phải được đánh dấu tính hiện thực (Cao Xuân Hạo cho là “chỉ một hành động đã hoàn thành” [4: 83]), vì chỉ khi đó nó mới có khả năng làm rõ sở chỉ của danh ngữ chứa nó – và có nghĩa là đối tượng được xác định đầy đủ, phân lập hoàn toàn trong không gian, thời gian. Nếu không, sự có mặt của danh từ đơn vị không phải là điều bắt buộc. Chẳng hạn, câu (29) ở trên, định ngữ “vừa làm xong” cho biết “cái bánh” là một đối tượng duy nhất; trong khi đó câu (30) sau đây khác hẳn:

(30) Bánh (*chị*) làm thì chị biếu mẹ, bánh (*chị*) mua thì để nhà dùng.

¹ Nói thêm, trong tiếng Việt, *em ấy* thường không được dùng làm đại từ nhân xưng mà dùng để trực chỉ; và khi đó, người ta thường dùng *em đó* hơn là *em ấy*.

² Theo Cao Xuân Hạo, ý nghĩa của hai câu có chứa danh từ đơn vị và không có chứa danh từ đơn vị rất khác nhau. Trong “Bà ta buồn vì con hư hỏng”, “hư hỏng” là vị ngữ của “con”; trong khi đó, trong “Bà ta buồn vì đứa con hư hỏng” thì “hư hỏng” là định ngữ của “đứa” [3: 282].

Hai từ “bánh” trong (30) không chỉ một vật cụ thể nào cả (chưa có sở chỉ) mà có thể hiểu là “loại bánh”, “thứ bánh”; và nếu không có ngữ cảnh thì có thể hành động “biểu” cũng chưa hề diễn ra.

Định ngữ hạn định cũng có thể là những từ ngữ biểu thị ý duy nhất (*duy nhất, cuối cùng, đầu tiên, sau cùng, trên cùng, số thứ tự, từ chỉ ý tuyệt đối, từ định vị không gian hay thời gian, từ láy*); tức là những từ ngữ đủ sức làm rõ sở chỉ của danh ngữ, và qua đó phân lập đối tượng trong không gian, thời gian. Ví dụ:

(31) Đây là bản nhạc *đầu tiên* của anh.

(32) Anh lấy cho tôi quyển sách *trên cùng* ấy!

(33) Cái máy *thứ năm* mới được xem là hoàn chỉnh.

(34) Lấy cho mẹ con dao *nhỏ nhất/nhỏ nhỏ!*

(35) Con gà *hôm qua* thịt mềm quá!

(36) Cắt quả dưa *to to* nhé!

(37) Ông ấy đưa ra quyển sách *rất dày*.

Định ngữ trang trí là loại định ngữ khó phân biệt với định ngữ hạn định hoặc định ngữ chỉ loại. Định ngữ trang trí chỉ đi với danh từ đơn vị, lý do là chỉ những thực thể phân lập thì mới có thể có những thông tin “trang trí” phụ thêm. Ví dụ:

(38) Tôi nắm bàn tay *mềm mại* của cô ấy.

(39) Tôi nắm bàn tay/tay trái của cô ấy.

(40) Cô ấy mở to đôi mắt *đen tròn* nhìn tôi. (ss: *Cô ấy mở to mắt đen tròn nhìn tôi.)

Ở câu (38) “mềm mại” là định ngữ trang trí; còn ở (39), “trái” là định ngữ chỉ loại (do vậy có thể có danh từ đơn vị “bàn” hoặc không – cả danh từ đơn vị và danh từ khối đều có thể có định ngữ chỉ loại, x. phần Dẫn nhập). Ở (40), “đen tròn” là định ngữ trang trí nên phải có mặt danh từ đơn vị “đôi”.

2.1.3. *Danh từ đơn vị được sử dụng khi có mặt những từ phẩm định*

Danh từ đơn vị cũng buộc phải xuất hiện trong những trường hợp có những từ phẩm định như *gì đó (/đấy/ấy), nào đó (/đấy/ấy)*. Danh từ khối thường chỉ có thể có mặt trong trường hợp *nào đó*, nhưng không có mặt trong trường hợp *gì đó*; lý do là đại từ

gì thường chỉ chung loại (thường hỏi “Chị mua gì?”, và câu trả lời là “Tôi mua cam”), nên nó đóng vai trò thay thế danh từ khối.

(41) Mỗi lần đi qua một chiếc cầu *nào đó*, tôi thường nhớ về chiếc cầu quê tôi.

(42) Có con *gì đó* (/con cá *nào đó*) cắn đứt sợi dây câu rồi.

(43) Samsung cần phải làm điều *gì đó* mới mẽ hơn.

(44) Hạnh phúc là có việc *gì đó* để làm, có cái *gì đó* để mơ ước.

2.1.4. *Danh từ đơn vị thường xuất hiện khi sử dụng các biểu thức “đồng nhất”*: [Dtđv + Dtk + *nào... cũng...*], [không + Dtđv + Dtk + *nào...*], [bất kỳ/cứ + Dtđv + Dtk + *nào... cũng...*], [bất kỳ/cứ + Dtđv + Dtk + *nào...*]

(45) Bài báo *nào* trên mạng *cũng* đáng đọc.

(46) Trên mạng *không* bài báo *nào* đáng đọc.

(47) Ngọn/Quả/Dãy núi *nào cũng* bị khai thác nham nhở.

(48) *Bất cứ* ngày *nào* anh *cũng* có thể đến đây.

(49) Anh có thể thử *bất kỳ* thứ rượu *nào* ở đây.

Danh từ đơn vị cũng thường được sử dụng trong biểu thức “tổng đoán” (Cao Xuân Hạo), với công thức: [Dtđv + *gi* + *cũng...*].

(50) Ngoài chợ thứ *gì cũng* có

(51) Trong sở thú con *gì cũng* có.

Trong thực tế vẫn có trường hợp không có sự xuất hiện của danh từ đơn vị trong bối cảnh đang nói. Theo chúng tôi, đây có thể xem là hiện tượng tình lược, thường thấy trong khẩu ngữ, ví dụ:

(52) Đi chơi thì em mặc *áo* nào *cũng* được

(53) Đường xấu thì đi *xe* nào *cũng* bị xóc.

(54) *Thịt* nào nấu cà ri *cũng* được.

Có bốn lý do để xem đây là hiện tượng tình lược:

(i) Trước danh từ khối có thể thêm danh từ đơn vị (*loại, thứ, kiểu, màu, chiếc*, v.v.), ý nghĩa của câu không thay đổi, thậm chí còn rõ hơn;

(ii) Danh từ đơn vị có thể xuất hiện sau danh từ khối, lúc này danh từ khối biến thành đề, câu vẫn bảo toàn nghĩa:

(55) Đi chơi thì em mặc áo *màu/kiểu* nào cũng được.

(56) Thịt *loại/con* nào nấu cà ri cũng được.

(iii) Nếu thêm một định ngữ vào thì yêu cầu về một danh từ đơn vị là bắt buộc (vd: “Đường xấu thì đi chiếc xe *cũ/hoi* nào cũng bị xóc”, “Thịt/Loại thịt *tươi/bò* nào cũng nấu cà ri được”);

(iv) Nếu xem đây là một khả năng tùy chọn của danh từ đơn vị thì sẽ tạo thành một lệ ngoại không cần thiết, có thể gây thêm khó khăn cho người học.

Tuy nhiên, trường hợp sau đây thì khác. Một cô gái hỏi mẹ “Mẹ ơi, mua thịt gì?” – đây là một câu hỏi nhằm vào chủng loại của “thịt”; câu trả lời sẽ là:

(57) Con mua thịt *gì* cũng được.

Có thể nhận ra ngay “*gì*” trong (57) là từ phẩm định cho biết một chủng loại bất kỳ của “thịt”. Hay nói khác đi, vị trí của “*gì*” chính là vị trí của định ngữ chỉ loại của một danh từ khối; như vậy “thịt bò”, “thịt heo”, thịt gà” thì cũng chẳng khác gì với “cá biển”, “cá đồng”, “tôm hùm”, v.v.. Nếu cho rằng trước danh từ khối có một danh từ đơn vị bị tính lược (“*loại/thứ* thịt gì cũng được”), e rằng hơi khiên cưỡng.

Rõ ràng, việc danh từ đơn vị hay danh từ khối kết hợp trực tiếp với *gì cũng, nào cũng* phụ thuộc vào cách chọn lựa xuất phát điểm của người bản ngữ: nếu tri nhận nó là một cá thể thì dùng danh từ đơn vị, nếu tri nhận nó như một chủng loại thì dùng danh từ khối³.

Cho nên, cách giải thích hiện tượng trên như là sự tính lược chỉ là một giải pháp mang tính thực dụng.

2.1.5. *Danh từ đơn vị phải có mặt trong danh ngữ xuất hiện sau một phó từ chỉ hướng, theo công thức: [... V + từ chỉ hướng + Dtđv]. Trong đó, V là*

vị từ hành động chuyển vị, vị từ biểu thị quá trình xuất hiện, vị từ biểu thị kết quả [4: 81-82].

Ví dụ:

(58) Cô ấy đưa ra hai tờ một trăm ngàn.

(59) Nó mở túi ra, bỏ vào *tám* giấy khen vừa nhận.

(60) Trước mặt tôi bỗng xuất hiện một *người* đàn ông lạ mặt.

(61) Anh đã tìm ra *chiếc* chìa khóa chưa?

(62) Tôi đã nhận ra *điều* đó từ lâu.

Trong những ví dụ trên, nếu danh ngữ nằm giữa V và từ chỉ hướng thì sự có mặt của danh từ đơn vị không phải là bắt buộc; so sánh:

(63) Cô ấy đưa ra *tờ* giấy chúng nhận.

(64) Cô ấy đưa (*tờ*) giấy chúng nhận ra.

2.1.6. *Danh từ đơn vị + danh từ khối cũng được sử dụng mà không hề có những dấu hiệu hình thức như đã trình bày từ 2.1.1 đến 2.1.5 trong trường hợp sự vật được xác định đối với cả người nói và người nghe*

(65) Anh đã nói chuyện với *thằng* bé chưa?

(66) Con ăn *tô phở* rồi.

Trong hai câu trên, “*thằng bé*” và “*tô phở*” là những đối tượng được xác định, có sở chỉ duy nhất đối với cả hai bên hội thoại, nhưng trong hai cấu trúc danh ngữ này không hề có dấu hiệu nào đánh dấu tính xác định, trừ sự có mặt của danh từ đơn vị.

Cao Xuân Hạo cho rằng một thuộc tính cú pháp quan trọng của danh từ đơn vị là “luôn luôn phải được chỉ rõ tính xác định hoặc tính không xác định” bằng cách kết hợp với một yếu tố nào đó trước hoặc sau nó [5: 80]. Tuy nhiên, theo quan sát của chúng tôi, trong ngữ cảnh cho phép, một danh ngữ mang tính xác định có thể chỉ gồm [Dtđv + Dtk] mà không cần bất cứ yếu tố nào khác. Vai trò đánh dấu tính xác định này do danh từ đơn vị đảm nhiệm. Ví dụ:

(67) (Gia đình hàng xóm của tôi có bốn người.) *Người/Ông bố* là bác sĩ, khoảng 55 tuổi. *Người/Bà mẹ* là giáo viên, khoảng 50 tuổi. *Đứa/Thằng con*

³ Tất nhiên, vai trò của tình huống giao tiếp cũng rất quan trọng. x. Lê Thị Minh Hằng, “NP nào cũng...” và “NP gì cũng...”. *Nghiên cứu, giảng dạy Việt Nam học và tiếng Việt*, Nxb KHXH, 2013, H.

trai là kỹ sư mới tốt nghiệp, còn *đứa/cô con gái* là sinh viên. *Người/Ông bố* rất hiền lành...

(68) (Cô ấy xem con mèo hoang đó như một người bạn.) Có một lần, tôi thấy cô ấy ôm *con mèo* vào lòng và hát cho nó nghe.

(69) Nó vung tay ném mạnh. *Hòn đá* trúng vào cửa sổ bác hàng xóm.

Trong ba câu trên, sự có mặt của các danh từ đơn vị (*người, ông, bà, đứa, thằng, cô, con, hòn*) là bắt buộc. So sánh với các câu sau:

(70) Có lần bà mẹ phạt *con*...

(71) Cô ấy rất thích *mèo*, nhưng tôi chưa bao giờ thấy cô ấy nuôi *mèo*.

(72) Trong túi nó có rất nhiều *đá*.

Ở (70), “con” không có sở chỉ rõ ràng nên người nghe có thể hỏi: “Phạt *đứa* nào?”; ở (71) “mèo” không có sở chỉ, cũng không hiện thực nên thêm “con” là sai; ở (72) “đá” không có sở chỉ nên không thể thêm “hòn”⁴.

2.2. Trường hợp danh từ đơn vị được sử dụng riêng lẻ (không có danh từ khối theo sau)

Danh từ đơn vị có thể sử dụng một cách riêng lẻ, có nghĩa là không có mặt danh từ khối; và thậm chí, trong nhiều trường hợp nếu sử dụng kèm với danh từ khối có thể là không hợp ngữ pháp. Trong nhiều sách dạy tiếng, cách sử dụng riêng lẻ như vậy hầu như không được đề cập đến, và mặc nhiên nó được xem như là một hiện tượng tính lược danh từ khối.

Trong thực tế, danh từ đơn vị hoàn toàn có thể đứng riêng, không đi kèm với danh từ khối (vd *quyển nào? con này bao nhiêu tiền?*). Và cách dùng này là rất phổ biến. Các danh từ đơn vị dùng theo cách này có dạng tương đương ở tiếng Anh là *one*. Ví dụ với danh ngữ “that one” của tiếng Anh, tùy theo sự vật mà nó chỉ, có thể được dịch

sang tiếng Việt là *cái đó, tờ đó, quyển đó, trái đó, con đó*...).

The yellow *ones* are ripe and pretty soft. (Những *trái* màu vàng chín rồi và khá mềm.)

What about the brown *ones*? (Còn những *trái* màu nâu này?)⁵

Cách sử dụng danh từ đơn vị riêng lẻ cũng có một vài qui tắc mà người học tiếng cần lưu ý.

2.2.1. Danh từ đơn vị sẽ được dùng riêng lẻ khi sự vật đang được đề cập ở trước mắt người nói lẫn người nghe. Hay nói khái quát hơn, danh từ đơn vị sẽ không cần đến danh từ khối khi chúng loại sự vật đã được người nói và người nghe nhận biết chính xác

Một cô hàng sách sẽ hỏi người mua “quyển nào?” chứ ít khi hỏi “quyển sách nào?” khi trước mặt họ là một cái kệ đầy sách. Tương tự như vậy, chủ quán chỉ hỏi “mấy ổ?” khi trước mặt là tủ bánh mì và dĩ nhiên biết rõ là người mua đang muốn mua bánh mì.

Cũng có thể sự vật không hiện diện trước mắt; chẳng hạn,

(73) – Hôm qua anh đi mua sách à? Có quyển nào hay không? – Có vài *quyển* hay. Tôi sẽ cho anh mượn một *quyển*.

Như vậy, nếu chúng loại sự vật đã được xác định trong phát ngôn trước đó (của một trong hai người đối thoại) thì danh từ khối cũng sẽ được tính lược.

(74) A: Ngày mai nhớ mang theo Kim Dung nhé!

B: *Quyển* nào?

A: *Quyển* nào cũng được.

Có một điều thú vị là hiện tượng tính lược dạng này phổ biến đến mức, trong nhiều trường hợp, nếu danh từ khối được “phục hồi” thì có thể tạo ra một sắc thái nghĩa đặc biệt. So sánh hai ví dụ sau:

(75) – Đưa giùm tôi *quyển sách*! – *Quyển* nào?

⁴ Thật ra, danh từ khối, cũng có thể có sở chỉ, nhưng người nghe phải suy luận rất nhiều căn cứ vào ngữ cảnh. Hơn nữa, nó không bao giờ có thể đứng đầu câu làm đề (thuộc tính xác định là thuộc tính vốn có của đề). Liên quan đến tính bất định của danh ngữ, mà biểu hiện rõ nhất là ở danh từ khối, giới nghiên cứu thường bàn đến tính chỉ định (specific). Do khuôn khổ của bài này, chúng tôi xin chưa bàn đến.

⁵ Phan Văn Giưỡng. *Vietnamese For Foreigners Beginners*, T.2. Nxb Trẻ. Tp.HCM.

(76) (– Đưa giùm tôi quyển sách!) – Quyển sách nào?

Câu đáp (76) không thể nói là sai ngữ pháp, nhưng người nói có vẻ ngạc nhiên với hàm ý rằng “Ồ đây làm gì có quyển sách nào mà anh hỏi?”. Thậm chí, sự xuất hiện danh từ khối hầu như không thể chấp nhận trong một số tình huống nhất định, chẳng hạn:

(77) (– Bán cho tôi ba con cá.) – *Mấy con cá?

Rõ ràng, tình huống giao tiếp ở chợ khó có thể chấp nhận một hàm ý nào “bất thường” như ở ví dụ (76).

Như một hệ quả của nội dung vừa trình bày, nếu đề cập đến một khối sự vật gồm nhiều chủng loại thì danh từ đơn vị sẽ không thể đứng một mình.

(78) *Trong những thứ mà anh đã mua, anh thích *quyển* nào nhất?

(79) *Anh cứ chọn một *quyển* trong đống đồ đạc trong tủ.

Chú ý:

- Hiện tượng tình lược thật ra phức tạp hơn điều vừa trình bày. Người ta thường tình lược danh từ khối khi muốn chỉ bản thân sự vật với tư cách là một thực thể (cá thể hoặc tập hợp) phân lập. Tuy nhiên, cũng có khi, để chỉ một sự vật hiện diện trước mắt, người nói lại nhấn mạnh vào thuộc tính về chủng loại hoặc chất liệu của nó. Khi đó, danh từ khối vẫn hiện diện, và cái bị tình lược lại là danh từ đơn vị. So sánh các câu sau đây:

(80) (Khi mang phở ra, người phục vụ nói:) – Phở đây! Tô này của anh, tô này của chị!

(81) (Làm xong bánh mì, người bán nói:) – Bánh mì của chị đây! Ô của chị đây!

(82) (– Đưa giùm tôi lọ muối!) – Muối đây! / Lọ muối đây! (*Lọ của anh đây!)

Ở (80), “Phở đây!” chỉ vật thể ở dạng chất liệu, còn phát ngôn sau thì chỉ từng cá thể (“tô”); tuy nhiên không thể nói “Tô phở đây! Phở này của anh, phở này của chị!”. Ở (81) cũng tương tự, “Bánh mì của chị đây!” dùng để chỉ vật thể ở dạng chất liệu,

trong khi phát ngôn sau, “Ồ của chị đây!” dùng để chỉ một cá thể, phân biệt với “ô” của người khác.

Câu (82) thì có hơi khác. Người nói dùng “Muối đây!” hoặc “Lọ muối đây!” tương tự hai câu trên, nhưng không thể dùng “Lọ của anh đây!” vì mối quan tâm của người đối thoại là cái chất liệu (“muối”) nằm bên trong chứ không phải là bản thân “cái lọ”.

Như vậy, hiện tượng tình lược đang bàn tuy phức tạp nhưng chung quy vẫn chịu sự chi phối của cách nhìn nhận sự vật của người nói (chất liệu/chủng loại hoặc thực thể phân lập).

- Có một hiện tượng thường rất khó tiếp nhận đối với người nước ngoài: trong một số trường hợp, danh từ đơn vị ở phát ngôn trước khó đứng làm trung tâm cho một ngữ đoạn đóng vai trò hỏi chỉ ở phát ngôn sau, nếu không có danh từ khối. Xét ví dụ sau:

(83) Quý rờm lại lúi húi lục cặp lời ra một *thanh sô cô la*. Nó đặt *thanh kẹo* vào tay nhỏ Diệp: “*Cái này* nữa, tao cũng trả cho mày.” (“Anh và em”, Nguyễn Nhật Ánh)

Ở (83), “thanh kẹo” hỏi chỉ “thanh sô cô la”, danh từ khối “kẹo” có ngoại diện rộng hơn “sô cô la” nên được lựa chọn, dù ở vị trí này “sô cô la” cũng hoàn toàn đúng về mặt ngữ pháp và ngữ nghĩa. “Cái này” hỏi chỉ “thanh kẹo”, nhưng hầu như người Việt sẽ không chọn “thanh” thay cho “cái” (“Cả thanh này nữa, tao cũng trả cho mày”) trừ phi sau “thanh” có một danh từ khối (“Cả thanh *kẹo* này nữa, tao cũng trả cho mày”).

Một ví dụ khác:

(84) A: Tớ thấy thằng Tèo tặng cho con bé Thúy một *hòn sỏi* rất đẹp.

B: Nó lấy đâu ra *cái/hòn* đó?

Rõ ràng, “cái đó” dùng để hỏi chỉ “hòn sỏi” tự nhiên hơn là “hòn đó”.

Theo nhận xét của chúng tôi, trong tiếng Việt, những danh từ đơn vị mà khả năng kết hợp với định ngữ là danh từ khối của nó càng hẹp (có tính chất tình huống hoặc có tính chất tu từ) thì càng ít khả

năng đứng một mình (không có danh từ khối) để tạo nên một ngữ đoạn hỏi chỉ (thường là những từ có tần số sử dụng ít hơn). Chẳng hạn, trong các câu như “(Ngôi sao ở trước mặt đẹp quá!) Em có thích ngôi đó không?”, “(Em thấy con thuyền ở đằng xa không?) Con đó là của bố anh đấy!”, sự vắng mặt danh từ khối (“sao”, “thuyền”) là khó chấp nhận. Xét từ góc độ này thì *cái, con, chiếc, loại, thứ*, có lẽ là những danh từ “mạnh” nhất; còn những danh từ chỉ đơn vị tính toán, đo lường hầu như không thể tạo thành ngữ đoạn hỏi chỉ (kiểu **“tần đó”, **“lít kia”, **“thước này”***).

Tuy nhiên, đây là hiện tượng rất tinh tế về ngữ nghĩa. Do vậy, mô hình thích hợp nhất để giảng dạy cho học viên nước ngoài vẫn nên là [Dtdv + Dtk + này/kia/ấy/đó].

2.2.2. *Danh từ đơn vị được sử dụng riêng lẻ (không cần danh từ khối) khi nó là trung tâm của một ngữ đoạn đóng vai trò thuyết minh, giải thích cho đối tượng đã được đặt làm đề/chủ ngữ. Có thể xem đây là một kiểu cấu trúc định nghĩa (hoặc giải thích), thường có mặt hệ từ “là”. Mô hình thường thấy là [Dtdv + Dtk + X là Dtdv + (Dtk) + Y], trong đó danh từ khối có thể không xuất hiện trong về sau, Y là định ngữ dùng để diễn giải cho X*

(85) Bức tranh này là bức đẹp nhất trong phòng triển lãm.

(86) Quyển sách đầu tiên mà ông ấy viết chính là quyển “Trần trở”.

Ở về đầu của biểu thức trên, có thể là một ngữ đoạn biểu thị một thực thể có sở chỉ xác định:

(87) Em là đứa em gái anh ít quan tâm nhất.

Tất nhiên, các câu trên sẽ sai ngữ pháp nếu ngữ đoạn hỏi chỉ vắng mặt danh từ đơn vị (vd: “Bức tranh này là tranh đẹp nhất...”, “Em là em gái anh ít quan tâm nhất”).

Các biểu thức có hệ từ *là* như trên biểu thị một quan hệ đồng nhất giữa hai thực thể (cái được định nghĩa/giải thích và cái định nghĩa/giải thích), cho nên sự vắng mặt danh từ khối là rất tự nhiên. Ngoài trường hợp này, danh từ đơn vị vẫn đòi hỏi định

ngữ là danh từ khối nếu sự vật được nói ở về sau là một thực thể hoàn toàn khác với thực thể được nói ở về trước, cho dù nó có thể giống nhau về tên gọi. Xét hai câu sau:

(88) Quyển sách của tôi là quyển anh đang đọc.

(89) ?Quyển sách của tôi dày hơn quyển anh đang đọc.

Ở (88), “quyển sách của tôi” và “quyển anh đang đọc” là một. Trong khi đó, ở (89), “quyển sách của tôi” và “quyển anh đang đọc” là hai thực thể khác nhau; do vậy, có khả năng là chúng khác chủng loại (“quyển anh đang đọc” có thể là tạp chí, tạp san... chứ không phải sách). Sự phân biệt tinh tế này thể hiện rõ hơn ở ví dụ sau đây:

(90) Tôi đã nhìn thấy những chiếc xe tăng người Pháp bỏ lại ở lòng chảo Điện Biên, những chiếc xe tăng người Mỹ để lại trên đất Quảng Trị. (www.sudentkgu.vn)

Rõ ràng, ở (90) không thể viết: “... những chiếc người Mỹ để lại trên đất Quảng Trị”.

2.2.3. *Danh từ đơn vị cũng có thể sử dụng riêng lẻ, nhưng khác với những trường hợp khác ở chỗ nó hoàn toàn không chấp nhận sự có mặt của danh từ khối, và có thể cũng không cần bất kỳ định ngữ nào khác.* Về mặt ngữ nghĩa, có mối quan hệ tổng thể - bộ phận giữa danh ngữ có chứa danh từ khối ở phần đầu của câu (hoặc ở câu trước) và các danh ngữ chỉ gồm danh từ đơn vị ở phần sau của câu (hoặc ở câu sau).

2.2.3.1. Đây là trường hợp mà trong cấu trúc câu, danh ngữ biểu thị tổng thể (thường do danh từ khối đảm nhiệm) đã xuất hiện ở phần đề (có thể là đề, có thể là bổ ngữ thuộc phần đề), và ở phần thuyết các danh từ đơn vị làm thành những cặp tương phản hoặc song hành. (Nói một cách đơn giản, đây là trường hợp danh từ đơn vị tự mình lập thành danh ngữ.)

Có thể thể hiện bằng mô hình: [Đề, Dtdv thì..., Dtdv thì...] hoặc [Đề, có Dtdv..., có Dtdv...], trong đó danh từ đơn vị biểu thị từng bộ phận (cá thể hoặc

tập hợp) trong cái tổng thể đã được nhắc đến ở phần đề (hoặc ở câu trước).

(91) Bạn bè tôi, *người* thì thành đạt, *người* thì không thành đạt, nhưng tất cả đều có vẻ hài lòng về cuộc sống của mình.

(92) Bạn bè tôi, có *người* thành đạt, có *người* không thành đạt, nhưng tất cả đều có vẻ hài lòng về cuộc sống của mình.

(93) Nó lựa mấy con cá to nhất để lại: *con* thì nó nướng, *con* thì nó chưng tương, *con* thì nó luộc hèm.

(94) Sách vở của tôi, chỉ *vài cuốn* được bọc bằng plastic, *những cuốn còn lại* thì chỉ được bọc bằng giấy báo.

Ở ví dụ (94), “cuốn” có định ngữ đi kèm (“vài”, “những”, “còn lại”), nhưng không phải là yếu tố bắt buộc; nếu không có các định ngữ này thì câu vẫn hợp ngữ pháp, có điều là câu có thêm ý nghĩa phân phối đều đặn giữa các tiểu đề (“... *cuốn* được bọc bằng plastic, *cuốn* chỉ được bọc bằng giấy báo”).

Cần chú ý là trong kiểu cấu trúc phân phối như vừa đề cập, không thể có mặt danh từ khối, kể cả khi có danh từ đơn vị; hay nói cách khác, ở đây hoàn toàn không có hiện tượng tinh lược danh từ khối. Chẳng hạn:

(95) *Quần của tôi, *quần* thì dài, *quần* thì ngắn.

(96) *Quần của tôi, *cái quần* thì dài, *cái quần* thì ngắn.

Và hai danh từ đơn vị khác biệt, dù được xem là đồng nghĩa, cũng không thể thay thế cho nhau; không thể nói “..., *cái* thì đẹp, *bức* thì xấu”, “..., *quyển* thì dày, *cuốn* thì mỏng”.

2.2.3.2. Danh từ đơn vị có thể được sử dụng không có danh từ khối đi kèm, nhưng nó không được đặt trong quan hệ tương phản hoặc song hành như trường hợp 2.2.3.1. Ở đây danh từ chỉ đơn vị cũng được dùng để chỉ một bộ phận của một tổng thể đã được đề cập trước đó, nhưng nó thường đi kèm với một định ngữ là lượng từ hoặc từ chỉ định, từ phiếm định. Cái tổng thể vừa nói được hiểu theo nghĩa rộng: có thể là một tập hợp (gồm nhiều cá

thể) như các câu (97) (98), có thể là một chủng loại như các câu (99) (100) dưới đây:

(97) Có 30 tấm thẻ đánh số từ 1 đến 30. Chọn ngẫu nhiên 10 *tấm*.

(98) Trường này có 3 nhóm thể thao nhưng chỉ *nhóm* này là có hoạt động.

(99) Lá trên cành từng *chiếc* cuốn bay xa. (Bài hát “Chiếc lá cuối cùng”)

(100) Bình sứ đẹp quá! Hay là mình mua hai, ba *cái* làm quà?

2.3. Trường hợp không sử dụng danh từ đơn vị

2.3.1. Như đã thấy ở 2.1 và 2.2, danh từ đơn vị là yếu tố hết sức quan trọng trong khi xây dựng danh ngữ, nhưng nó sẽ không xuất hiện trước danh từ khối nếu người nói đề cập đến một chủng loại hoặc chất liệu chứ không phải một đối tượng được phân lập

So sánh:

(101) Tôi thích cam.

(102) Tôi thích *trái* cam đó.

“Cam” trong (101) chỉ một chủng loại, phân biệt với các chủng loại khác như xoài, măng cụt, chanh; còn “trái cam” trong (102) chỉ một cá thể riêng biệt, cụ thể.

Trong thực tế sử dụng ngôn ngữ, cùng một tình huống, người nói có thể chọn lựa những cách tiếp cận khác nhau khi muốn nói đến những thực thể tồn tại khách quan. Chẳng hạn:

(103) Bạn đưa *cuốn tập* của bạn đây, mình chép giùm cho.

(104) Bạn đưa *tập* của bạn đây, mình chép giùm cho.

“Tập” trong (104) được nói trong sự phân biệt với sách, sổ tay, giấy, chứ không phải là một quyển vở cụ thể nào; còn nếu muốn nói đến một quyển vở cụ thể thì phải dùng câu (103). Cả hai đều thích hợp với bối cảnh giao tiếp.

Cần phải nói rằng, sự chọn lựa của người nói cũng tùy thuộc vào sự tương tác của các yếu tố khác trong câu, đặc biệt là vị từ. Xét đoạn trích sau đây

từ truyện “Anh và em” của Nguyễn Nhật Ánh (chúng tôi trình bày lại để dễ theo dõi):

(105) Nhỏ Diệp chìa *thanh sô cô la* mời bạn.

(106) – Oanh ăn *kẹo* đi! Oanh ăn đi. Mình không thích *sô cô la*!

(107) (– Không thích sao bạn mua?) – *Kẹo* này không phải mình mua.

(108) (Thấy hai con nhóc đùn qua đùn lại, Quý ròm tức điên.) Hừ, tụi nó cứ làm như *kẹo* của mình là hàng ế không bằng.

(109) Quý hậm hực thò tay giật phắt *thanh kẹo* trên bàn và quay lưng bỏ đi.

Trong các câu trên, (105) (107) (108) có thể dùng “kẹo”, “sô cô la” hoặc “thanh kẹo”, “thanh sô cô la” mà không tổn hại gì đến tính ngữ pháp của câu; (106) khó có thể dùng “thanh kẹo”, “thanh sô cô la”. Riêng ở (109), “thanh kẹo” là khả năng duy nhất vì nó là bổ ngữ trực tiếp cho vị từ tác động “giật (phắt)” – người ta chỉ có thể “giật phắt” một vật cụ thể, riêng biệt chứ không thể “giật phắt” một chủng loại.

2.3.2. Ngoài ra, trong tiếng Việt, có một vài lưu ý rất thực tế. Chẳng hạn, khi nói về một đối tượng trong quan hệ sở thuộc (và là yếu tố cấu thành) một đối tượng lớn hơn (gần giống với quan hệ bộ phận – toàn thể) thì không cần đến danh từ đơn vị

Ví dụ:

(110) Chiếc xe này *bánh* trước thì thùng, *dèn* chiếu hậu thì vỡ, làm sao đi được?

(111) Cái ghế này *gãy* một *chân* rồi.

Các danh từ thân tộc khi làm bổ ngữ để chỉ một người có quan hệ (“của”) với người được biểu thị bằng danh ngữ đứng làm đề thì không cần danh từ đơn vị (để xác định), vì người nghe sẽ nhận ra ngay lập tức mối quan hệ “ai là gì của ai”. Ví dụ:

(112) Tôi về quê thăm *bố/mẹ/chú/con/cháu*.

(113) Cô ấy khóc vì nhớ *bố/mẹ/con/cháu*.

Các danh từ chỉ bộ phận thân thể thường cũng không cần danh từ đơn vị; nếu bộ phận thân thể đó thuộc về một đối tượng khác với đối tượng đứng làm đề thì cần thêm định ngữ. So sánh:

(114) Chị Lan đau *bụng* nên về trước rồi. (*bụng* của chị ấy)

(115) Tôi sờ *trán* thấy không sốt nên cũng yên tâm. (*trán* của tôi)

(116) Tôi sờ *trán* nó thấy không sốt nên cũng yên tâm. (*trán* của nó)

(117) Nhìn thấy chị *má* hóp, *mắt* trũng sâu, tôi rất ái ngại.

(118) Bác sĩ nói *gan* anh có vấn đề, anh phải bỏ rượu.

Cần chú ý rằng trường hợp này khác với cách nói mà Hồ Lê [5: 14] cho là bắt buộc phải có danh từ đơn vị (“hai cái đầu”, “những cái đầu”). Về ngữ pháp, danh từ đơn vị cần có mặt khi “tính đếm”; tuy nhiên, trong tiếng Việt rất nhiều danh từ chỉ bộ phận trong cơ thể vừa có thể hoạt động như một danh từ khối, vừa có thể hoạt động như một danh từ đơn vị – nghĩa là có thể kết hợp trực tiếp với lượng từ (hai *đầu gối*, hai *cổ tay*, mấy *ngón tay*, hai *tai*, v.v.).

Trong thực tế sử dụng ngôn ngữ, “cái” có thể xuất hiện trước danh từ chỉ bộ phận cơ thể ở những cách nói kiểu như “Trông cái mặt anh ta kìa!”, “Ngậm cái mồm lại!”, “Hai con mắt cô ta lúng liếng trông khiếp thật!”, “Hiều... hiểu... cái đầu mày!”. Nhưng “cái” ở đây nên được hiểu là một quán từ xác định – tương tự như “cái” trong “cái người đàn ông kia”, “cái điều anh vừa nói” – chứ không phải là “cái” danh từ đơn vị.

3. Kết luận

Như đã nói trên, danh từ nói chung và danh từ đơn vị nói riêng hoàn toàn không phải là vấn đề mới của Việt ngữ học. Nó đã được nghiên cứu, khảo sát kỹ lưỡng hơn nửa thế kỷ nay; và, về chi tiết, dù các tác giả không đồng thuận với nhau thì kết quả nghiên cứu của họ cũng góp phần làm sáng rõ vấn đề đang bàn. Tuy nhiên, những gì mà những người đi trước đã lập thức chưa đủ để ứng dụng vào việc dạy tiếng.

Mục đích của bài viết này là cố gắng hệ thống hóa các cách sử dụng danh từ đơn vị cho người học

tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai. Trong đó, chúng tôi cũng cố gắng lý giải một số trường hợp sử dụng hoặc không sử dụng danh từ đơn vị có thể gây lúng túng cho người học. Thiết nghĩ, danh từ và

hoạt động của từng tiểu loại danh từ trong cấu trúc ngữ đoạn, cấu trúc câu vẫn còn là một vấn đề cần tiếp tục làm rõ (và diễn giải đơn giản hơn) trong tương lai, theo định hướng thực hành.

How to use Vietnamese unit nouns - from the perspective of teaching languages

- **Le Thi Minh Hang**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

Vietnamese unit nouns (known as “count(able) nouns” or “classifiers”) were profoundly surveyed by a great number of linguists. However, foreigners learning Vietnamese have great trouble in dealing with this grammatical issue. In the paper, the author

tries to formulate usages of Vietnamese unit nouns in order to facilitate foreigners’ learning. Besides, the author also focuses on the interpretation of the cases where unit noun’s presence is optional.

Keywords: classifiers, unit noun, count(able) noun, mass noun

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bùi Mạnh Hùng (2000), Vấn đề quán từ và nhận diện quán từ trong tiếng Việt, *Ngôn ngữ*, số 12, Hà Nội.
- [2]. Cao Xuân Hạo (1998), *Tiếng Việt - mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, Nxb. Giáo Dục.
- [3]. Cao Xuân Hạo (1999), Nghĩa của loại từ, *Ngôn ngữ*, số 2&3, Hà Nội.
- [4]. Cao Xuân Hạo (CB) (2006), *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt: Ngữ đoạn và Từ loại*, Nxb. Giáo Dục.
- [5]. Hồ Lê (2003), Ngữ pháp ngữ nghĩa của loại từ, *Ngôn ngữ*, số 11, Hà Nội.
- [6]. Lư Văn Lăng (1997), Một số vấn đề về loại từ trong tiếng Việt, *Ngôn ngữ*, số 2, Hà Nội.
- [7]. Lý Toàn Thắng (1997), Loại từ và các tiểu loại danh từ trong tiếng Việt, *Ngôn ngữ*, số 2, Hà Nội.
- [8]. Nguyễn Tài Cẩn (1975), *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb. KHXH.
- [9]. Nguyễn Tài Cẩn (1977), *Ngữ pháp tiếng Việt - Tiếng, Từ ghép, Đoán ngữ*, Nxb ĐH&THCN, Hà Nội.
- [10]. Nguyễn Thị Hai (2006), Về việc dạy danh từ chỉ đơn vị tự nhiên tiếng Việt cho học viên, sinh viên nước ngoài, *Tạp chí Khoa học*, Đại học Sư phạm Tp.HCM.
- [11]. Nguyễn Thiện Nam (2007), Lỗi loại từ trong tiếng Việt của người nước ngoài, www.ngonngu.net.

- [12]. Trần Đại Nghĩa (1988), Một cách xác định loại từ trong tiếng Việt, *Ngôn ngữ*, số 4, Hà Nội.
- [13]. Trần Đại Nghĩa (1988), Phân loại các tổ hợp loại từ - danh từ trong tiếng Việt, *Ngôn ngữ*, số 5, Hà Nội.
- [14]. Vũ Đức Nghiệu (2001), Ngữ pháp ngữ nghĩa của hai kiểu danh ngữ “hạt dưa”, “một hạt dưa”, *Ngôn ngữ*, số 11, Hà Nội.